TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 6 – 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Định, ông Bùi Đức Hạnh.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16/6/2023, tại Trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/2023/TLST- HNGĐ ngày 17/4/2023 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án xét xử số 85/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1999;

Địa chỉ: ThônG, xã M, huyện B, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Xóm 13, xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị A, anh H (chị A có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh H vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày: Chị và anh Ngô Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 05/7/2019. Sau một thời gian ngắn chung sống hạnh phúc thì giữa chị và anh H phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do hai bên không tìm được tiếng nói chung, hay bất đồng quan điểm nên đời sống chung căng thẳng, không hạnh phúc. Chị và anh H hiện đang sống ly thân nhau, chấm dứt quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Văn H.

Về con chung: Chị và anh H không có con chung.

Về tài sản chung các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh H đến làm việc nhưng anh H vắng mặt không lý do.

Tại Biên bản làm việc ngày 18/5/2023, Tòa án đã làm việc với địa phương xã Yên Nhân cho biết: Anh H kết hôn với chị A trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định ngày 05/7/2019. Từ khi kết hôn đến nay, mâu thuẫn giữa anh H và chị A cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Chỉ biết rằng hiện nay chị A không sống cùng anh H tại xóm 13, xã N. Về con chung: Anh H và chị A không có. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề có liên quan giữa anh H và chị A cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Quá trình Tòa án nhân dân huyện Ý Yên thụ lý giải quyết theo đơn khởi kiện ly hôn của chị A, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh H, anh H đã nhận được và biết được việc chị A đang làm đơn ly hôn nhưng anh không đến Tòa án để giải quyết. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

3. Tòa án đã ra Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị A có mặt, anh H vắng mặt. Chị A có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh H theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị A xin giải quyết vắng mặt. Anh H mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị A đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc A.

Về con chung: Chị A và anh H không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị A có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh H mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Ngô Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Y, tỉnh Nam Định. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, hay bất đồng quan điểm dẫn đến đời sống chung căng thẳng, không hạnh phúc. Chị Ánh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên kiên quyết xin ly hôn anh H. Về phía anh H, mặc dù anh biết việc chị Ánh xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng nhưng anh H vắng mặt. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh H vẫn vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị Ánh nữa. Chị Ánh đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án và kiên quyết xin ly hôn anh H nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị A, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị A và anh H không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị A, anh H không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị A phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Ngô Văn H.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003944, ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, chị A đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Ngô Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm